

Bản án số: **30/2021/KDTM-ST**

Ngày: 11-5-2021.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cờ;

Ông Nguyễn Hải Phùng;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa Hà Nội tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử công khai sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 163/2020/TLST-KDTM ngày 24/12/2020, về tranh chấp hợp đồng tín dụng; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46 ngày 25/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐ-HPT ngày 15/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây viết tắt là Acombank); Người đại diện theo pháp luật: - Chủ tịch HĐQT; Địa chỉ:, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hoàng A, ông Nguyễn Văn D; ông Nguyễn Hoàng A có mặt; ông Nguyễn Văn D vắng mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần phần mềm B (sau đây viết tắt là Công ty B); Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn V - Giám đốc; Địa chỉ: ngõ 51/89 Linh Quang, phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm, xã, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Acombank trình bày:

Ngày 12/9/2013 Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định số về việc chấp thuận hợp nhất Ngân hàng TMCP C và Tổng Công ty tài chính cổ phần D;

Ngân hàng thương mại cổ phần A được thành lập trên cơ sở hợp nhất Ngân hàng TMCP C và Tổng Công ty tài chính cổ phần D theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng TMCP số ngày 16/9/2013.

Ngày 27/8/2011 Ngân hàng TMCP C và Công ty cổ phần phần mềm B ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số/2011/HĐHM-DN.HN. Theo Hợp đồng, các bên thống nhất thỏa thuận: Ngân hàng cho Công ty B vay tín dụng với hạn mức cho vay không quá 1 tỷ đồng; thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất được quy định tại Khế ước nhận nợ (23,6%/năm), lãi suất trong hạn sẽ được điều chỉnh trong toàn bộ thời gian vay thực tế của bên vay, kể cả thời gian vượt quá thời hạn vay (nếu bên vay không trả nợ đúng hạn); Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty B, Ông Nguyễn Quang N và Ngân hàng TMCP C đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số/2011/HĐTC-D.HN ngày 27/8/2011. Theo Hợp đồng thế chấp: Ông N đồng ý thế chấp toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông N để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay của Công ty B tại Ngân hàng TMCP C, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số, tờ bản đồ số, địa chỉ xóm, xã, huyện Hoài Đức.

Ngày 29/8/2011 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hoài Đức đã chứng nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất của Ông Nguyễn Quang N. Ngày 19/6/2015 Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hoài Đức đã chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung thế chấp: Kể từ ngày 03/10/2013 bên nhận thế chấp thay đổi thành Acombank.

Ngày 06/3/2012 Ngân hàng TMCP C đã cấp tín dụng cho Công ty B theo Khế ước nhận nợ.

Do Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng Công ty B không trả.

Acombank yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc:

1. Công ty cổ phần phần mềm B phải trả toàn bộ số tiền vay tạm tính đến hết ngày 09/3/2021 cho Acombank là 12.564.474.625 đồng, gồm: Nợ gốc: 930.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 112.178.667 đồng; Lãi quá hạn: 2.841.351.500 đồng; Lãi phạt chậm trả lãi: 8.680.944.459 đồng.

2. Buộc Công ty cổ phần phần mềm B trả Acombank các khoản nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức kể từ ngày 10/3/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

3. Trường hợp Công ty cổ phần phần mềm B không thực hiện nghĩa vụ trên thì Acombank được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số, tờ bản đồ số; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: do UBND huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/4/2011 đứng tên Ông Nguyễn Quang N.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty cổ phần phần mềm B tại Acombank thì Acombank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các tài sản và nguồn thu hợp pháp của Công ty cổ phần phần mềm B để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty CP phần mềm B tại Acombank.

*** Bị đơn - Công ty CP phần mềm B đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do.**

*** Tại bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Quang N trình bày:**

Ông Nguyễn Quang N và ông Trần Văn V có quen biết nhau. Năm 2011 do ông V có nhu cầu vay vốn của Ngân hàng nên ông N đồng ý thế chấp nhà đất tại xóm, xã, huyện Hoài Đức để đảm bảo cho khoản vay một tỷ đồng của Công ty B do Trần Văn V đại diện theo pháp luật. Cụ thể:

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty B, Ông Nguyễn Quang N và Ngân hàng TMCP C đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số/2011/HĐTC-D.HN ngày 27/8/2011.

Ngày 29/8/2011 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hoài Đức đã chứng nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất của Ông Nguyễn Quang N.

Sau đó, Ngân hàng đã giải ngân tiền vay cho Công ty B.

Do Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả nợ; khi đó Ngân hàng có thông báo cho ông và Công ty B do ông V đại diện; ông có yêu cầu ông V trả tiền cho Ngân hàng nhưng ông V không trả, sau đó ông không liên lạc được với ông V.

Đối với số nợ của Công ty B ông không có ý kiến gì. Đối với nhà đất đã thế chấp cho Ngân hàng: Ông đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết. Ông đề nghị Tòa án nhanh chóng giải quyết để ông tập trung công việc.

Tại phiên tòa:

*** Acombank yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần phần mềm B thanh toán cho Acombank:**

1. Tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11/5/2021 là 3.966.661.833 đồng, gồm: Nợ gốc: 930.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 113.129.330 đồng;

Lãi quá hạn: 2.923.532.500 đồng

Đối với yêu cầu buộc Công ty B trả số tiền phạt chậm trả lãi là 9.190.368.041 đồng: Acombank rút yêu cầu này.

2. Buộc Công ty cổ phần phần mềm B trả Acombank các khoản nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức kể từ ngày 12/5/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

3. Trường hợp Công ty cổ phần phần mềm B không thực hiện nghĩa vụ trên thì Acombank được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số, tờ bản đồ số; diện tích 77,8m² - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD, số vào sổ cấp

giấy chứng nhận: do UBND huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/4/2011 đứng tên Ông Nguyễn Quang N.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty cổ phần phần mềm B đối với Acombank thì Acombank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các tài sản và nguồn thu hợp pháp của Công ty cổ phần phần mềm B để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty CP phần mềm B đối với Acombank.

** Công ty B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.*

** Ông Nguyễn Quang N giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa, cụ thể:*

Ông xác nhận ông đã dùng tài sản của ông là nhà đất tại thửa đất số, tờ bản đồ số; diện tích 77,8m², địa chỉ tại xóm, xã, huyện Hoài Đức đảm bảo cho khoản vay của Công ty B. Việc thế chấp có lập hợp đồng, có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Sau khi ông hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm, Ngân hàng đã giải ngân tiền cho Công ty B. Ông xác nhận hiện trạng nhà đất vẫn như thời điểm thế chấp tại ngân hàng; Ông đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án; Ông không có yêu cầu gì.

*** Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên Tòa có ý kiến:**

Về tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi đưa quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Acombank đối với số nợ gốc, nợ lãi đối với Công ty cổ phần phần mềm B. Buộc Công ty cổ phần phần mềm B thanh toán trả Acombank số tiền tạm tính đến ngày 11/5/2021 là: 3.966.661.833 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của Acombank buộc Công ty cổ phần phần mềm B trả Acombank lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức kể từ ngày 12/5/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

3. Chấp nhận yêu cầu của Acombank về việc có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty cổ phần phần mềm B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Acombank.

4. Án phí: Công ty B chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng giữa Acombank và Công ty B. Tranh chấp xuất phát từ hợp đồng giữa các bên là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh; Căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng

dân sự; khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, xác định vụ án kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Thẩm quyền: Công ty B đăng ký hoạt động kinh doanh tại ngõ 51/89 Linh Quang, phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

- Tư cách đương sự: Căn cứ Quyết định số 2018 ngày 12/9/2013 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hợp nhất Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Tây và Tổng Công ty tài chính cổ phần D thành Ngân hàng thương mại cổ phần A; Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng TMCP số 279 ngày 16/9/2013; Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Điều 196 Luật Doanh nghiệp; Ngân hàng thương mại cổ phần A với tư cách là nguyên đơn, khởi kiện Công ty B là phù hợp pháp luật.

- Thời hiệu khởi kiện: Khi Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã đơn đốc, yêu cầu Công ty B trả nợ, yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ bảo đảm; Ngân hàng đã ra Thông báo nhắc nợ gửi cho Công ty B và ông N nhưng Công ty B không trả nợ, ông N và Ngân hàng không thống nhất được phương án giải quyết nên Ngân hàng đã khởi kiện. Điều 149 Bộ luật dân sự quy định: Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc.

- Thủ tục tổng đạt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa lần thứ hai để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng; Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Công ty B.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số/2011/HĐHM-DN.HN ngày 27/8/2011 ký giữa Ngân hàng TMCP C - chi nhánh Hà Nội và Công ty B.

Theo nội dung hợp đồng thể hiện: Các bên thống nhất thỏa thuận, Ngân hàng cho Công ty B vay hạn mức tín dụng là 1 tỷ đồng; mục đích bổ sung vốn kinh doanh; Các bên ký hợp đồng đã đọc, nghiên cứu kỹ, hiểu rõ và chấp nhận ký tên;

Lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, xác nhận việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức; Khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP C và Công ty B không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, hình thức và nội dung của các hợp đồng phù hợp pháp luật, phù hợp quy định tại Điều 117 và Điều 385, 398, 463, 465 Bộ luật dân sự; do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng có hiệu lực, các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2.2. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc 930.000.000 đồng:

Căn cứ Giấy đề nghị giải ngân; Khế ước nhận nợ; Ủy nhiệm chi và các tài liệu khác có trong hồ sơ, lời trình bày của người đại diện nguyên đơn thấy có đủ cơ sở xác nhận: Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty B số tiền vay 1 tỷ đồng theo hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ; Công ty B đã nhận và sử dụng số tiền vay do Ngân hàng giải ngân và hiện còn nợ số tiền gốc là 930.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu của Acombank về việc buộc Công ty B thanh toán số tiền còn lại của số nợ gốc theo Hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, 281 Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận. Buộc Công ty B trả cho Ngân hàng số tiền còn lại của số nợ gốc là 930.000.000 đồng,

2.3. Xét yêu cầu thanh toán nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng:

Theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức, lãi suất cho vay (trong hạn) được quy định trong khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn;

Hội đồng xét xử nhận định: Theo mục 6 Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức, các bên thỏa thuận: Lãi suất trong hạn sẽ được điều chỉnh trong toàn bộ thời gian vay thực tế của bên vay, kể cả thời gian vượt quá thời hạn vay (nếu bên Vay không trả nợ đúng hạn). Thỏa thuận về mức lãi suất Ngân hàng áp dụng đối với Công ty B tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 280, 281, 466, 468 Bộ luật dân sự; do đó, yêu cầu của Acombank được chấp nhận. Buộc Công ty B phải trả tiền lãi trên số nợ gốc tính đến ngày 11/5/2021 là 3.036.661.833 đồng, gồm lãi trong hạn 113.129.333 đồng và lãi quá hạn 2.923.532.500 đồng;

Công ty B còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc từ ngày 12/5/2021 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng hạn mức.

2.4. Đối với số tiền phạt chậm trả lãi được quy định tại các hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty B và Acombank, tại phiên Tòa, Acombank đã rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.5. Xét yêu cầu của Acombank đối với việc xử lý tài sản thế chấp khi Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán:

Ngân hàng, ông N và Công ty B đã ký Hợp đồng thế chấp số/2011/HĐTC-DN.HN ngày 27/8/2011. Theo hợp đồng ông N đồng ý dùng tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng của ông để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty B.

Ngày 29/8/2011 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hoài Đức đã chứng nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất đã được đăng ký theo những nội dung kê khai tại Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Nội dung hợp đồng thể hiện: Các bên xác nhận việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, tại thời điểm công chứng các bên có năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp không vi phạm điều cấm, không trái

với các quy định của pháp luật, tài sản thế chấp phù hợp với hiện trạng nhà đất thực tế ông N đã thế chấp; Các bên đều thừa nhận hiện trạng nhà đất nguyên trạng như thời điểm ông N thế chấp tại Ngân hàng; Sau khi thế chấp, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; Căn cứ Điều 116, 117, 118, 119, 298, 317, 318, 319, 320 Bộ luật dân sự; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Căn cứ Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản bảo đảm tiền vay và Biên bản định giá tài sản bảo đảm tiền vay; Xác định Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật; các bên có quyền, nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã ký tại hợp đồng. Do đó, yêu cầu của Acombank về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp Công ty B không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

2.6. Theo Hợp đồng tín dụng, các bên thống nhất thỏa thuận về biện pháp bảo đảm cho khoản vay của Công ty B là nhà đất tại xóm, xã, huyện Hoài Đức, Hà Nội; ngoài tài sản trên, các bên không có sự thỏa thuận nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Acombank về việc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các tài sản và nguồn thu hợp pháp của Công ty B để thu hồi toàn bộ nghĩa vụ nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty B tại Acombank, thì Công ty B tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Acombank.

* Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án tại phiên tòa là phù hợp với các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

* Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự; Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt, không thể hiện quan điểm, do đó Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Giao dịch dân sự phát sinh trước năm 2015, đang được thực hiện; hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định: Acombank tự nguyện nộp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Acombank.

[5]. Về án phí: Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 116, 117, 118, 119, 298, 317, 318, 319, 320, 280, 281, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự.

- Điều 12, Điều 50, Điều 56, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

- Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”.

- Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với Công ty cổ phần phần mềm B về việc thanh toán tiền theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số/2011/HĐHM-DN.HN ngày 27/8/2011.

- Xác nhận tính đến ngày 11/5/2021 Công ty cổ phần phần mềm B nợ Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng cộng số tiền 3.966.661.833 đồng, gồm: Nợ gốc: 930.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 113.129.330 đồng; Lãi quá hạn: 2.923.532.500 đồng.

- Buộc Công ty cổ phần phần mềm B trả Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày 11/5/2021 là 3.966.661.833 đồng (ba tỷ chín trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng), gồm: Nợ gốc: 930.000.000 đồng (chín trăm ba mươi triệu đồng); Lãi trong hạn: 113.129.330 đồng (một trăm mười ba triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi đồng); Lãi quá hạn: 2.923.532.500 đồng (hai tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

- Buộc Công ty cổ phần phần mềm B trả tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức/2011/HĐHM-DN.HN ngày 27/8/2011 từ ngày 12/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Công ty cổ phần phần mềm B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số, tờ bản đồ số; tại xóm, xã, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD, số vào sổ cấp giấy chứng nhận:

..... do UBND huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/4/2011 đứng tên Ông Nguyễn Quang N) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số/2011/HĐTC-DN.HN ngày 27/8/2011, số công chứng2011/HĐTC ngày 27/8/2011 và Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản bảo đảm tiền vay ngày 25/8/2011.

Khi có quyết định thi hành án của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc các tổ chức, cá nhân chiếm hữu, sử dụng nhà đất trên phải di dời để đảm bảo việc thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty cổ phần phần mềm B tại Ngân hàng thương mại cổ phần A, thì Công ty cổ phần phần mềm B tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Công ty cổ phần phần mềm B phải trả số tiền phạt chậm trả lãi.

3. Án phí: Công ty cổ phần phần mềm B phải chịu 111.333.236 đồng (một trăm mười một triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại 59.500.000 đồng (năm mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0015369 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Ngân hàng thương mại cổ phần A; Ông Nguyễn Quang N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần phần mềm B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự.
- VKSND quận Đống Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quản Văn Tiến